|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN GIÁM SÁT**  **TÀI CHÍNH QUỐC GIA**  Số: /BC-UBGSTCQG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2016* |

**BÁO CÁO**

**TÌNH HÌNH KINH TẾ THÁNG 3 VÀ 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2016**

*(Tài liệu phục vụ phiên họp Chính phủ tháng 3/2016)*

* *Kinh tế thế giới được dự báo sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức trong năm 2016*
* *Giá dầu và giá hàng hóa thế giới bắt đầu có dấu hiệu tăng trở lại*
* *Tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong những tháng đầu năm 2016 tiếp đà phục hồi, song đang có gia tốc chậm lại. Nguyên nhân là tổng cầu quý I/2016 tăng chậm hơn so với cùng kỳ năm 2015. Chỉ số sản xuất công nghiệp cũng tăng thấp hơn so với mức cùng kỳ năm trước.*
* *Lạm phát tháng 3 so với tháng 2 tăng cao nhất trong 5 năm ở lại đây chủ yếu do tăng giá dịch vụ y tế và giáo dục, không phải do yếu tố chi phí đẩy*
* *Thu ngân sách Nhà nước gặp khó khăn do giá dầu giảm*
* *Thị trường tiền tệ-ngân hàng: (i) Lãi suất liên ngân hàng quý I/2016 cao hơn so với cùng kỳ 2015; (ii) Lãi suất huy động ngắn hạn biến động nhẹ ở kỳ hạn 6-12 tháng. Mặt bằng lãi suất huy động chủ yếu tăng mạnh ở các kỳ hạn dài trên 12 tháng; (iii) Thị trường ngoại hối trong nước ổn định. Tỷ giá kỳ hạn NDF và CDS của VND tiếp tục xu hướng giảm cho thấy niềm tin vào đồng Việt Nam*
* *Thị trường cổ phiếu-trái phiếu: (i) Thị trường cổ phiếu tiếp tục diễn biến tích cực trong tháng 3 nhờ kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết cải thiện; (ii) Tỷ lệ trúng thầu TPCP tháng 3/2016 giảm mạnh so với tháng 2*

1. **KINH TẾ THẾ GIỚI**
2. **Tăng trưởng kinh tế**

***Mỹ*,** kinh tế tiếp tục có những diễn biến lạc quan, song chưa đạt được như kỳ vọng. Chỉ số PMI tháng 3 tăng nhẹ lên mức 51,4 điểm so với mức 51,3 điểm trong tháng trước. Số nhà được khởi công xây dựng trong tháng 2 tăng 5,2%[[1]](#footnote-1) mức cao nhất trong năm tháng trở lại đây. Tỷ lệ thất nghiệp tiếp tục giảm xuống còn 4,9% trong 2 tháng đầu năm (từ mức 5% trong 3 tháng cuối năm 2015). Lạm phát cơ bản tiếp tục xu hướng tăng kể từ cuối năm 2015 và đạt mức 2,3% trong tháng 2/2016, là mức lạm phát cơ bản cao nhất kể từ tháng 5/2012. *Những dấu hiệu tích cực này đã khiến Mỹ nâng dự báo tăng trưởng GDP quý I/2016 lên 2% (quý IV/2015 tăng 1%)*.

***Châu Âu*,** hoạt động tiêu dùng không mấy khả quan khi doanh số bán lẻ hàng hóa tháng 1 chỉ tăng 2% so với cùng kỳ (tháng 12/2015 tăng 2,1%). Tỷ lệ thất nghiệp ở mức 10,3% trong tháng 1, thấp hơn mức 10,4% của tháng 12/2015. Lạm phát tháng 2 đã quay đầu giảm 0,2% so với cùng kỳ (đây là lần đầu tiên trong 5 tháng lạm phát có mức tăng âm). Chỉ số PMI trong tháng 3 ở mức 51,4 điểm, tăng nhẹ so với mức 51,2 điểm của tháng trước, cao hơn so với kỳ vọng 51,3 điểm của thị trường .

***Nhật Bản*,** trong bối cảnh giá dầu đi xuống dẫn đến giá trị nhập khẩu giảm, cán cân thương mại của Nhật đạt thặng dư 242,77 triệu USD, so với mức thâm hụt 575,98 triệu USD trong tháng trước. Chỉ số PMI trong tháng 3 ở mức 49,1 điểm, giảm nhẹ so với mức 50,1 điểm của tháng 2 và là mức thấp nhất từ tháng 6/2015.

***Trung Quốc***, kinh tế tiếp tục xấu đi ở cả khu vực sản xuất và dịch vụ. Chỉ số PMI tháng 2 ở mức 48 điểm, giảm 0,4 điểm so với tháng trước, và là tháng thứ 11 liên tiếp ở mức dưới ngưỡng 50 điểm. Lạm phát tháng 2 của nước này là 2,3%[[2]](#footnote-2), cao hơn mức dự đoán 1,9%; đây là tốc độ lạm phát cao nhất kể từ tháng 7/2014 đến nay do giá lương thực thực phẩm tăng 7,3%. Xuất khẩu giảm với tốc độ nhanh nhất trong hơn 6 năm qua, còn nhập khẩu ghi nhận tháng thứ 16 liên tiếp sụt giảm.

1. **Chính sách tiền tệ**

***Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) cắt giảm lãi suất xuống mức thấp kỷ lục[[3]](#footnote-3)*** nhằm thúc đẩy nền kinh tế của Khu vực Eurozone và giảm thiểu tác động của chính sách lãi suất âm lên hệ thống ngân hàng. ECB cũng thông báo sẽ chi thêm hàng chục tỉ Euro để phục hồi nền kinh tế yếu kém kéo dài của Eurozone.

Quan ngại về tốc độ tăng trưởng chậm tại Châu Âu, Trung Quốc và các nền kinh tế đang nổi, cũng như lo ngại những tín hiệu tích cực từ thị trường chứng khoán, việc làm của nền kinh tế Mỹ chưa đủ để chống đỡ trước những rủi ro suy giảm kinh tế và bất ổn tài chính toàn cầu, Fed giữ nguyên lãi suất trong thời điểm hiện tại và tuyên bố sẽ nâng lãi suất nếu nền kinh tế Mỹ được giữ ổn định. Fed vẫn dự kiến sẽ nâng lãi suất 2 lần từ nay đến cuối năm, mỗi lần nâng 0,25%, đồng thời dự báo lãi suất liên bang sẽ ở mức 1,875% vào cuối năm 2017, giảm so với mức 2,375% được dự báo vào cuối tháng 12/2015. Fed cũng hạ dự báo tăng trưởng của nền kinh tế Mỹ trong năm 2016 xuống 2,2%, thấp hơn 0,2% so với dự báo đưa ra hồi tháng 12/2015.

**3. Giá hàng hóa thế giới**

***Giá dầu*** thế giới cũng có dấu hiệu biến phục hồi. Tính đến 21/03/2016, giá dầu trên thị trường New York đã tăng 18,5% so với đầu tháng 2/2016 và 13% so với đầu năm 2016 [[4]](#footnote-4). Tuy nhiên, theo dự báo của cơ quan năng lượng Hoa Kỳ (EIA) giá dầu sẽ vẫn dưới 40 USD/thùng cho đến cuối năm 2016.

***Giá hàng hóa*** trên thị trường thế giới đồng loạt khởi sắc. Giá kim loại tăng mạnh nhất, ở mức 4,53% so với tháng trước; tiếp đến là giá năng lượng tăng 1,98%; giá lương thực tăng 1,89%; giá nông sản tăng 1,2% và giá nguyên liệu thô tăng 0,67%.

**Bảng 1: Tốc độ tăng giá một số hàng hóa cơ bản so với tháng trước (%)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Năng lượng** | **Nông sản** | **Lương thực** | **Nguyên liệu thô** | **Kim loại** |
| **T9/2015** | 0.51 | -2.05 | -1.93 | -2.04 | 1.28 |
| **T10/2015** | 0 | 1.05 | 1.62 | -0.24 | -1.89 |
| **T11/2015** | -7.54 | -0.92 | -1.71 | -0.37 | -6.91 |
| **T12/2015** | -13.41 | -0.7 | -0.7 | -0.49 | -2.59 |
| **T1/2016** | -15.27 | -2.34 | -1.17 | -1.98 | -2.13 |
| **T2/2016** | 1.98 | 1.2 | 1.89 | 0.76 | 4.53 |

*Nguồn: WB*

1. **KINH TẾ VIỆT NAM**
2. **Tăng trưởng tiếp tục đà phục hồi song gia tốc chậm lại**

|  |  |
| --- | --- |
| * + ***Tăng trưởng GDP trong những tháng đầu năm 2016 tiếp đà phục hồi do sự cải thiện của tổng cầu***, *song mức độ cải thiện thấp hơn năm 2015 (gia tốc tăng trưởng chậm lại).* Biểu hiện: | Tăng trưởng quý 2011-2015, % tăng GDP giá cố định so cùng kỳ (%)  *Nguồn:* UBGSTCQG |
| ***- Cầu tiêu dùng cải thiện ở mức thấp hơn so với cùng kỳ năm 2015***  Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 2 năm 2016 sau khi loại trừ yếu tố giá tăng 8,3% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức 10,7% của cùng kỳ năm 2015. | **Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu**  **dịch vụ tiêu dùng các tháng 2 từ 2011-2016**  **(% tăng so cùng kỳ, loại trừ yếu tố giá)**  *Nguồn:* TCTK |
| * ***Nhập khẩu hàng hóa giảm so với cùng kỳ năm trước***   Kim ngạch xuất khẩu trong những tháng đầu năm tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước (2 tháng đầu năm đạt 23,7 tỷ USD). Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa giảm 6,6% so với cùng kỳ năm 2015 (2 tháng đầu năm đạt 22,8 tỷ USD). Tính chung 2 tháng đầu năm, cán cân thương mại của Việt Nam thặng dư 865 triệu USD (cùng kỳ năm 2015 thâm hụt 61 triệu USD).  Khu vực kinh tế FDI tiếp tục là đầu tàu trong hoạt động xuất nhập khẩu khi chiếm tới 66% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước và xuất siêu 2,9 tỷ USD, góp phần bù đắp cho khu vực kinh tế trong nước (nhập siêu gần 2,1 tỷ USD). Các nhóm hàng nhập khẩu phục vụ sản xuất trong nước giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước: máy móc thiết bị giảm 13,6%; nguyên phụ liệu dệt, may, giày dép giảm 9,6%; xăng dầu giảm 33,8%. | **Một số mặt hàng sụt giảm mạnh so với cùng kỳ trong 2 tháng đầu năm 2016 (%)**  *Nguồn. TCTK*  **Cơ cấu đóng góp của các khu vực kinh tế 2 tháng đầu năm 2016 (tỷ USD)**  *Nguồn. TCTK* |

**2. Lạm phát và lạm phát cơ bản có xu hướng hội tụ**

|  |  |
| --- | --- |
| Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3 tăng 1,69% so với cùng kỳ năm trước và tăng 0,57% so với tháng 2. CPI tháng 3 so với tháng trước tăng ở mức cao nhất trong 5 năm trở lại đây không phải do chi phí đẩy mà chủ yếu do tăng giá của nhóm dịch vụ y tế và giáo dục (y tế tăng: 24,34%; giáo dục tăng: 0,66% so với tháng trước). Tuy nhiên, lạm phát cơ bản 3 tháng đầu năm vẫn duy trì ở mức thấp, tăng 1,76% thấp hơn mức 2,31% của cùng kỳ năm 2015. | **Lạm phát và lạm phát cơ bản**  **T2/2014-T2/2016 so với cùng kỳ (%)**  *Nguồn*: TCTK |

**Chỉ số giá tiêu dùng tháng 3 giai đoạn 2007-2016**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **2007** | **2008** | **2009** | **2010** | **2011** | **2012** | **2013** | **2014** | **2015** | **2016** |
| CPI tháng 3 so với tháng trước | -0,22 | 2,99 | -0,17 | 0,75 | 2,17 | 0,16 | -0,19 | -0,44 | 0,15 | 0,57 |
| CPI tháng 3 so với cùng kỳ năm trước | 6,8 | 19,39 | 11,25 | 9,46 | 13,89 | 14,15 | 6,64 | 4,39 | 0,93 | 1,69 |

*Nguồn****:*** TCTK

**3. Thu ngân sách Nhà nước gặp khó khăn do giá dầu giảm**

|  |  |
| --- | --- |
| * ***Tiến độ thu từ dầu thô và thu cân đối từ hoạt động XNK đạt thấp***. Cụ thể, tính đến 15/3, thu từ dầu thô và thu cân đối từ hoạt động XNK chỉ đạt 13,3% và 13,2% so với dự toán (cùng kỳ năm 2015 tương ứng là 15,1% và 16,8%) chủ yếu do giá dầu giá dầu thô và các sản phẩm hóa dầu xuất nhập khẩu giảm mạnh. Tuy nhiên, do tiến độ thu nội địa vẫn duy trì ổn định (đạt 19,4% dự toán) nên tổng thu cân đối NSNN đạt 182,4 nghìn tỷ đồng, bằng 18% dự toán năm, tăng nhẹ (1%) so với cùng kỳ 2015. | **Thu NSNN lũy kế đến tháng 15/03/2016, %**    *Nguồn: BTC* |

* ***Thu từ khu vực DNNN đạt thấp so với dự toán (12,4%) và giảm mạnh (30%) so cùng kỳ 2015*** do: (i) giảm thu từ nhà máy lọc dầu Dung Quất khi giá dầu giảm, (ii) giảm thu từ cổ tức và lợi nhận còn lại. Khoản giảm thu này đã được bù đắp do tăng thu ở khu vực DN FDI và khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh (tăng tương ứng 18% và 29,8% so với cùng kỳ năm trước) nên thu từ khu vực sản xuất kinh doanh vẫn đảm bảo tiến độ khi đạt 102,8 nghìn tỷ đồng, bằng 18,4% dự toán, tương đương cùng kỳ 2015 (102,7 nghìn tỷ đồng).

**III. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH** **– TIỀN TỆ**

1. **Thị trường tiền tệ - ngân hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| * *Thanh khoản của hệ thống ngân hàng đầu tháng 3 căng thẳng hơn so với tháng 2 nhưng đã dần hạ nhiệt kể từ trung tuần tháng 3*. Cụ thể, lãi suất O/N bình quân từ ngày 04-11/3 tăng 2,36 điểm % và khối lượng giao dịch qua đêm bình quân ngày tăng 34% so với giai đoạn từ 23/2-3/3[[5]](#footnote-5). Từ 12/3, lãi suất O/N bình quân giảm nhẹ 0,2 điểm %, xuống còn 4,13%, thấp hơn 1% so với đợt trước Tết Nguyên Đán. | **Thị trường Liên Ngân hàng (tỷ VND)**  *Nguồn: UBGSTCQG tổng hợp* |
| *Nhìn chung, lãi suất liên ngân hàng quý I/2016 cao hơn so với cùng kỳ 2015;* *Lãi suất huy động ngắn hạn biến động nhẹ ở kỳ hạn 6-12 tháng. Mặt bằng lãi suất huy động chủ yếu tăng mạnh ở các kỳ hạn dài trên 12 tháng (phổ biến 7% - 8%/năm)[[6]](#footnote-6)****.***  Nguyên nhân chủ yếu của đợt tăng lãi suất kỳ dài hạn do: (i) Tín dụng trung dài hạn năm 2015 tăng trên 30% đặt ra nhu cầu cần cơ cấu lại nguồn vốn trong hệ thống ngân hàng thương mại; (ii) các ngân hàng thương mại tăng tỷ trọng huy động vốn trung dài hạn nhiều hơn nhằm đón đầu trước quy định về tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn sẽ giảm từ 60% xuống 40% theo dự thảo sửa đổi Thông tư 36 của NHNN. | **Lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn O/N và 6 tháng (Quý I 2015-2016) (%/năm)**  *Nguồn: UBGSTCQG tổng hợp* |

Dự đoán trong năm 2016, lãi suất sẽ tăng thêm khoảng 1 điểm % so với năm 2015 do: (i) lạm phát năm 2016 cao hơn năm 2015; (ii) nhu cầu tăng vốn huy động của hệ thống TCTD (do vốn huy động những tháng đầu năm tăng trưởng chậm hơn tín dụng); (iii) tăng vốn huy động kỳ dài hạn nhằm đáp ứng quy định của Thông tư 36 sửa đổi. *Tuy nhiên, lãi suất cho vay sẽ vẫn trong mức kiểm soát để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| * *Thị trường ngoại hối ổn định****.*** Tỷ giá VND/USD tại các NHTM vẫn được giữ ổn định trong biên độ trên của tỷ giá trung tâm do NHNN đưa ra, dao động quanh mức 22.200 - 22.500 VND/USD. Tỷ giá kỳ hạn NDF tháng 3/2016 không có sự thay đổi so với tháng trước và chỉ số CDS tiếp tục có xu hướng giảm cho thấy niềm tin vào đồng Việt Nam của các nhà đầu tư nước ngoài. Nguyên nhân: (i) việc FED thực hiện thận trọng việc tăng lãi suất và đồng NDT trong quý I/2016 không biến động nhiều giúp làm giảm áp lực tỷ giá; (ii) Tỷ giá trung tâm được NHNN áp dụng từ đầu năm 2016 có biến động hai chiều (tăng/giảm) bám sát diễn biến cung cầu ngoại tệ trong nước và quốc tế hạn chế việc tỷ giá bị điều chỉnh đột ngột, giúp loại bỏ tâm lý găm giữ, đầu cơ ngoại tệ. | **Tỷ giá USD/VND**  *Nguồn: UBGSTCQG tổng hợp* | |
| **NDF USD/VND các kỳ hạn**  *Nguồn: UBGSTCQG tổng hợp* | **Chỉ số CDS TPCP các kỳ hạn**  *Nguồn: UBGSTCQG tổng hợp* |

1. **Thị trường cổ phiếu – trái phiếu**

* ***Thị trường cổ phiếu tiếp tục diễn biến tích cực trong tháng 3 nhờ kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết cải thiện***, các công ty lớn chuẩn bị nới room cho khối ngoại và giá dầu hồi phục. Chỉ số VN Index ngày 23/3 đóng cửa tại 574,7 điểm tăng 2,7% so với cuối tháng 2 và tăng 11,9% so với mức đáy trong quý 1 (514 điểm). Tuy nhiên VN Index vẫn chưa vượt qua ngưỡng kháng cự 580 điểm. Nhà đầu tư nước ngoài chuyển sang trạng thái mua ròng, đạt 622 tỷ đồng cổ phiếu niêm yết từ đầu tháng 3.

**Mua/bán ròng của khối ngoại theo tháng (tỷ đồng)**

*Nguồn: HNX, HSX*

* ***Tỷ lệ trúng thầu TPCP tháng 3/2016 giảm so với tháng trước***

|  |  |
| --- | --- |
| Trong tháng 3/2016, tỷ lệ trúng thầu TPCP phát hành qua Kho bạc Nhà nước chỉ đạt 76,2%, giảm mạnh so với mức 96,6% của tháng 2. Lũy kế đến 23/3, tổng khối lượng phát hành TPCP đạt 68,04 nghìn tỷ đồng, bằng 89% kế hoạch phát hành quý I và 31% kế hoạch năm. Lãi suất trúng thầu có xu hướng tăng nhẹ ở kỳ hạn ngắn và giữ nguyên ở kỳ hạn dài. Nguyên nhân do: (i) các ngân hàng cho vay các dự án bất động sản dài hạn nên giảm đầu tư vào TPCP, (ii) giảm tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn theo thông tư 36. | **Tỷ lệ trúng thầu/gọi thầu TPCP (%)**  *Nguồn: HNX, UBGSTCQG tổng hợp* |

**ỦY BAN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA**

1. Theo báo cáo của Bộ Thương mại Mỹ. [↑](#footnote-ref-1)
2. Theo số liệu của Tổng cục thống kê Trung Quốc. [↑](#footnote-ref-2)
3. ECB đã giảm lãi suất tái cấp vốn từ 0,05% xuống 0%, lãi suất cho vay thanh khoản cũng giảm từ 0,3% xuống còn 0,25%, trong khi lãi tiền gửi ngân hàng đã giảm từ âm 0,3% xuống âm 0,4%. [↑](#footnote-ref-3)
4. Theo Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) [↑](#footnote-ref-4)
5. Lãi suất ON bình quân và khối lượng giao dịch bình quân từ 4-11/3 là 4,33% và 10.250 tỷ đồng, trong khi từ 23/2-3/3 lần lượt là 1.97% và 7.510 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-5)
6. Lãi suất huy động dưới 6 tháng khoảng 4,5 – 5,5%/năm, 6 đến 12 tháng là 5,4% -6,8%/năm và trên 12 tháng phổ biến 7-8%/năm [↑](#footnote-ref-6)